|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | | **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**  **VIỆT NAM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | | Số: /2024/TT-NHNN | *Hà Nội, ngày tháng năm 2024* | |
| DỰ THẢO 14h00 19.03.2024 |

**THÔNG TƯ**

**Quy định việc cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào**

**Giấy phép và một số quy định về tổ chức, hoạt động của ngân hàng**

**thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài,** **văn phòng đại**

**diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức**

**nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng**

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;*

*Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư* *quy định* *việc cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và một số quy định về tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định việc cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và một số quy định về tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Ngân hàng thương mại.

2. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

3. Văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng (sau đây gọi là văn phòng đại diện nước ngoài).

4. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép, tổ chức và hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và văn phòng đại diện nước ngoài.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Ngân hàng thương mại cổ phần* là ngân hàng thương mại được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần.

2. *Ngân hàng 100% vốn nước ngoài* là ngân hàng thương mại được thành lập tại Việt Nam với 100% vốn điều lệ thuộc sở hữu của tổ chức tín dụng nước ngoài; là pháp nhân Việt Nam, có trụ sở chính tại Việt Nam. Ngân hàng 100% vốn nước ngoài được thành lập, tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có chủ sở hữu là một ngân hàng nước ngoài hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên trong đó phải có một ngân hàng nước ngoài sở hữu 50% vốn điều lệ.

3. *Ngân hàng liên doanh* là ngân hàng thương mại được thành lập tại Việt Nam, bằng vốn góp của Bên Việt Nam (gồm tối thiểu một ngân hàng Việt Nam và tối đa một doanh nghiệp Việt Nam không phải ngân hàng) và Bên nước ngoài (gồm tối thiểu một ngân hàng nước ngoài và tối đa một doanh nghiệp nước ngoài không phải ngân hàng) trên cơ sở hợp đồng liên doanh; là pháp nhân Việt Nam, có trụ sở chính tại Việt Nam. Ngân hàng liên doanh được thành lập, tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên nhưng không quá 05 thành viên, trong đó một thành viên và người có liên quan không được sở hữu vượt quá 50% vốn điều lệ.

4. *Tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng* là tổ chức được thành lập ở nước ngoài theo quy định của pháp luật nước ngoài và được kinh doanh, cung ứng thường xuyên một hoặc một số các nghiệp vụ sau đây:

a) Nhận tiền gửi;

b) Cấp tín dụng;

c) Cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.

5. *Văn phòng đại diện nước ngoài* là đơn vị phụ thuộc của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam. Văn phòng đại diện nước ngoài không được thực hiện các hoạt động kinh doanh tại Việt Nam.

6. *Chi nhánh ngân hàng nước ngoài* là tổ chức kinh tế không có tư cách pháp nhân và là đơn vị phụ thuộc của ngân hàng nước ngoài, được ngân hàng nước ngoài bảo đảm chịu trách nhiệm về mọi nghĩa vụ, cam kết của chi nhánh tại Việt Nam.

7. *Tổ chức tín dụng nước ngoài* là tổ chức tín dụng được thành lập ở nước ngoài theo quy định của pháp luật nước ngoài.

Tổ chức tín dụng nước ngoài được hiện diện thương mại tại Việt Nam dưới hình thức ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, công ty tài chính liên doanh, công ty tài chính 100% vốn nước ngoài, công ty cho thuê tài chính liên doanh, công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài.

Ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài là loại hình ngân hàng thương mại; công ty tài chính liên doanh, công ty tài chính 100% vốn nước ngoài, công ty cho thuê tài chính liên doanh, công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài là loại hình công ty tài chính tổng hợp, công ty tài chính chuyên ngành theo quy định của Luật này.

8. *Chủ sở hữu* là tổ chức sở hữu toàn bộ vốn của ngân hàng thương mại là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

9. *Ngân hàng mẹ* là ngân hàng nước ngoài có chi nhánh tại Việt Nam.

**Chương II**

**CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP, CẤP BỔ SUNG**

**NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG VÀO GIẤY PHÉP**

**Mục 1**

**CÁC QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 4. Thẩm quyền quyết định cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép**

1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có thẩm quyền quyết định cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép đối với ngân hàng thương mại, các chi nhánh ngân hàng nước ngoài là đối tượng thanh tra, giám sát an toàn vi mô của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng;

2. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thẩm quyền quyết định:

a) Cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép đối với các chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trụ sở đặt tại địa bàn tỉnh, thành phố, trừ các chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với văn phòng đại diện nước ngoài có trụ sở đặt tại địa bàn tỉnh, thành phố.

**Điều 5. Giấy phép**

1. Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể nội dung hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong Giấy phép cấp cho từng ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo mẫu quy định tại Phụ lục 01 Thông tư này.

2. Trường hợp Giấy phép bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị hủy dưới hình thức khác, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài phải có văn bản nêu rõ lý do và gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước đề nghị Ngân hàng Nhà nước xem xét cấp bản sao Giấy phép từ sổ gốc theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Ngân hàng Nhà nước cấp lại bản sao từ bản gốc cho ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài.

3. Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài sử dụng Giấy phép theo quy định tại Điều 35 Luật Các Tổ chức tín dụng.

**Điều 6. Nộp lệ phí cấp đổi Giấy phép**

1. Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được cấp đổi Giấy phép phải nộp lệ phí cấp đổi Giấy phép tại Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được cấp đổi Giấy phép.

2. Mức lệ phí cấp đổi Giấy phép theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

**Điều 7. Thông báo thông tin về sửa đổi, bổ sung Giấy phép cho Cơ quan đăng ký kinh doanh**

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung Giấy phép, cấp đổi Giấy phép theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có trách nhiệm gửi Quyết định bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép, Giấy phép cấp đổi kèm Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép, cấp đổi Giấy phép của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (bao gồm các nội dung hoạt động đề nghị thực hiện và danh mục mã ngành đối với các nội dung hoạt động đó theo hệ thống ngành kinh tế Việt Nam) cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đặt trụ sở chính để cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương sửa đổi, bổ sung Giấy phép, cấp đổi Giấy phép theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm gửi Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép, Giấy phép cấp đổi kèm Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép, cấp đổi Giấy phép của chi nhánh ngân hàng nước ngoài (bao gồm các nội dung hoạt động đề nghị thực hiện và danh mục mã ngành đối với các nội dung hoạt động đó theo hệ thống ngành kinh tế Việt Nam) cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài đặt trụ sở để cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

**Mục 2**

**CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP, CẤP BỔ SUNG NỘI DUNG**

**HOẠT ĐỘNG VÀO GIẤY PHÉP CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI**

**Điều 8. Nguyên tắc cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép**

Việc cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thực hiện theo nguyên tắc sau:

1. Ngân hàng Nhà nước không thực hiện cấp đổi đối với các nội dung hoạt động mà ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được phép thực hiện theo quy định pháp luật tại thời điểm cấp đổi; đồng thời, điều chỉnh tên nội dung hoạt động được phép phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và Phụ lục 01a, Phụ lục 01b ban hành kèm theo Thông tư này. Giấy phép được cấp đổi thay thế tất cả các Giấy phép, chấp thuận (là một phần không thể tách rời của Giấy phép) mà Ngân hàng Nhà nước đã cấp cho ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó trước thời điểm cấp đổi.

2. Đối với hoạt động kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối; dịch vụ thanh toán quốc tế; hoạt động kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh về ngoại hối, tiền tệ, tài sản tài chính khác cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài; hoạt động kinh doanh vàng; tư vấn về hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác, việc cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thực hiện theo quy định riêng của Ngân hàng Nhà nước và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Đối với các nội dung hoạt động quy định tại khoản 26 Điều 4 Mẫu Giấy phép cấp đổi Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại (Phụ lục 01a) và khoản 25 Điều 4 Mẫu Giấy phép cấp đổi Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Phụ lục 01b), ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện sau khi có sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước; thủ tục, cấp bổ sung các nội dung hoạt động này vào Giấy phép thực hiện theo quy định riêng của Ngân hàng Nhà nước và quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Trường hợp ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép đồng thời với cấp đổi Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước sẽ xem xét cấp đổi Giấy phép trong đó bao gồm nội dung cấp bổ sung theo đề nghị, trên cơ sở ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đáp ứng đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 11 Thông tư này.

**Điều 9. Thủ tục đề nghị cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấp phép**

1. Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có nhu cầu cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép lập hồ sơ theo quy định tại Điều 11 Thông tư này và nộp trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư này.

2. Trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Ngân hàng Nhà nước thực hiện việc cấp đổi Giấy phép hoặc cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép hoặc cấp đổi Giấy phép bao gồm cả nội dung cấp bổ sung theo đề nghị cho ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Sau khi Ngân hàng Nhà nước cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép, Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải:

a) Công bố thay đổi của Giấy phép trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép trên 01 phương tiện truyền thông của Ngân hàng Nhà nước và 01 tờ báo in trong 03 số liên tiếp hoặc trên 01 báo điện tử của Việt Nam;

b) Ngân hàng thương mại phải thực hiện sửa đổi, bổ sung Điều lệ phù hợp với nội dung Giấy phép cấp đổi, cấp bổ sung.

**Điều 10. Nguyên tắc lập hồ sơ**

1. Hồ sơ đề nghị cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép (đối với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài); hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép (đối với Văn phòng đại diện nước ngoài) được lập 01 bộ bằng tiếng Việt.

2. Thành phần hồ sơ bằng tiếng nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam (trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật về hợp pháp hóa lãnh sự) và dịch ra tiếng Việt. Các bản dịch từ tiếng nước ngoài ra tiếng Việt phải được công chứng bản dịch hoặc chứng thực chữ ký của người dịch theo quy định của pháp luật.

Trường hợp các giấy tờ là bản sao mà không phải là bản sao có chứng thực, bản sao được cấp từ sổ gốc thì phải xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu, người đối chiếu phải ký xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính.

3. Trong mỗi bộ hồ sơ phải có danh mục tài liệu trong bộ hồ sơ.

**Điều 11. Hồ sơ đề nghị cấp đổi Giấy phép và bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép**

1. Đối với trường hợp cấp đổi Giấy phép:

a) Đơn đề nghị cấp đổi Giấy phép do người đại diện hợp pháp của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ký, trong đơn cần nêu rõ các nội dung hoạt động đề nghị thực hiện và danh mục mã ngành đối với các nội dung hoạt động đó theo hệ thống ngành kinh tế Việt Nam. Đối với ngân hàng 100% vốn nước ngoài, trong đơn cần có cam kết đây là các nội dung hoạt động mà chủ sở hữu, ngân hàng nước ngoài sở hữu 50% vốn điều lệ của ngân hàng 100% vốn nước ngoài đang được phép thực hiện tại nước nơi chủ sở hữu, ngân hàng nước ngoài đặt trụ sở chính. Đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trong đơn cần có cam kết đây là các nội dung hoạt động ngân hàng mẹ được phép thực hiện tại nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính;

b) Danh mục các nội dung hoạt động theo Giấy phép hiện hành, các văn bản chấp thuận khác của Ngân hàng Nhà nước kèm bản sao Giấy phép hiện hành và các văn bản chấp thuận này.

2. Đối với trường hợp cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép:

a) Đơn đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép do người đại diện hợp pháp của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ký, trong đơn cần nêu rõ:

(i) Các nội dung hoạt động đề nghị bổ sung và danh mục mã ngành đối với các nội dung hoạt động đó theo hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;

(ii) Cam kết đảm bảo đáp ứng các điều kiện để thực hiện các nội dung hoạt động theo đề nghị và tiếp tục duy trì việc đáp ứng các điều kiện này theo quy định;

(iii) Cam kết đây là các nội dung hoạt động mà chủ sở hữu, ngân hàng nước ngoài sở hữu 50% vốn điều lệ của ngân hàng 100% vốn nước ngoài đang được phép thực hiện tại nước nơi chủ sở hữu, ngân hàng nước ngoài đặt trụ sở chính (đối với ngân hàng 100% vốn nước ngoài);

(iv) Cam kết đây là các nội dung hoạt động ngân hàng mẹ được phép thực hiện tại nước nơi ngân hàng mẹ đặt trụ sở chính (đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài);

(v) Báo cáo về việc Ngân hàng đã được cấp phép thực hiện hoạt động mua bán trái phiếu Chính phủ (đối với trường hợp đề nghị cấp bổ sung hoạt động đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ);

b) Nghị quyết của Hội đồng quản trị (Hội đồng thành viên) ngân hàng thương mại nhất trí thông qua việc đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép; văn bản của ngân hàng mẹ do người đại diện theo pháp luật ký đồng ý đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép (đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài);

c) Riêng đối với trường hợp đề nghị cấp bổ sung vào Giấy phép các hoạt động phái sinh lãi suất, cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa, hoạt động lưu ký chứng khoán, ví điện tử, ngoài hồ sơ quy định tại điểm a và b khoản này, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cần có các quy trình nội bộ, trong đó có các biện pháp quản lý rủi ro phù hợp với từng nội dung hoạt động đề nghị bổ sung vào Giấy phép.

d) Đối với trường hợp đề nghị cấp bổ sung vào Giấy phép hoạt động tham gia hệ thống thanh toán quốc tế, ngoài hồ sơ quy định tại điểm a và b khoản này, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải bổ sung các tài liệu sau:

(i) Văn bản của Ngân hàng Nhà nước cho phép ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện hoạt động ngoại hối cơ bản trên thị trường trong nước và quốc tế;

(ii) Quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt phù hợp khi tham gia hệ thống thanh toán quốc tế;

(iii) Bản thuyết minh về hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu đảm bảo an toàn hệ thống thông tin cấp độ 3 theo quy định của pháp luật và các giải pháp kỹ thuật, quy trình xử lý giao dịch qua hệ thống thanh toán quốc tế;

(iv) Tài liệu chứng minh hệ thống công nghệ thông tin của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đáp ứng tiêu chuẩn của hệ thống thanh toán quốc tế tham gia: Biên bản nghiệm thu kỹ thuật hoặc Bản thuyết minh hoặc các tài liệu khác thể hiện việc đã đáp ứng tiêu chuẩn của hệ thống thanh toán quốc tế tham gia;

(v) Tài liệu chứng minh tổ chức vận hành hệ thống thanh toán quốc tế được thành lập và hoạt động hợp pháp ở nước ngoài: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc các văn bản, tài liệu khác do cơ quan có thẩm quyền của quốc gia, vùng lãnh thổ nơi tổ chức vận hành hệ thống thanh toán quốc tế được thành lập và hoạt động hợp pháp cấp.

Đối với trường hợp đã tham gia hệ thống thanh toán quốc tế trước thời điểm .... (thời điểm Nghị định thay thế Nghị định 101/2012/NĐ-CP có hiệu lực thi hành), ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải nộp các tài liệu tại điểm d(i), d(ii), d(iii) và d(v) khoản 2 Điều này kèm theo Hợp đồng/Thỏa thuận đã ký kết với tổ chức vận hành hệ thống thanh toán quốc tế/Thư xác nhận của tổ chức vận hành hệ thống thanh toán quốc tế và báo cáo đánh giá về tình hình tham gia hệ thống thanh toán quốc tế theo mẫu Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Đối với trường hợp đồng thời đề nghị bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và cấp đổi Giấy phép:

a) Đơn đề nghị bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và cấp đổi Giấy phép do người đại diện hợp pháp của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ký trong đó có các nội dung quy định tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều này;

b) Hồ sơ quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b, c khoản 2 Điều này.

**Mục 3**

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP ĐỐI VỚI**

**NHỮNG THAY ĐỔI CỦA VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN** **NƯỚC NGOÀI**

**Điều 12. Quy định chung về những thay đổi của văn phòng đại diện nước ngoài**

1. Văn phòng đại diện nước ngoài lập hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép và nộp trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 13 Thông tư này và đảm bảo nguyên tắc lập hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều này đối với các nội dung thay đổi sau đây:

a) Thay đổi tên;

b) Thay đổi địa bàn đặt trụ sở khác địa bàn tỉnh, thành phố nơi văn phòng đại diện nước ngoài đang đặt trụ sở;

c) Gia hạn thời hạn hoạt động.

2. Văn phòng đại diện nước ngoài nộp trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính văn bản thông báo đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chậm nhất 07 ngày làm việc, kể từ ngày có các nội dung thay đổi sau đây:

a) Thay đổi Trưởng văn phòng đại diện nước ngoài;

b) Thay đổi địa điểm đặt trụ sở trên cùng địa bàn tỉnh, thành phố;

c) Thay đổi địa chỉ đặt trụ sở mà không làm thay đổi địa điểm đặt trụ sở.

3. Sau khi được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với các nội dung thay đổi quy định tại khoản 1 Điều này, văn phòng đại diện nước ngoài thực hiện các nội dung sau đây:

a) Tiến hành hoạt động tại địa điểm mới và chấm dứt hoạt động tại địa điểm cũ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

b) Công bố các nội dung thay đổi trên các phương tiện thông tin của Ngân hàng Nhà nước và một tờ báo viết hàng ngày trong 03 số liên tiếp hoặc báo điện tử của Việt Nam trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương sửa đổi, bổ sung Giấy phép.

**Điều 13. Hồ sơ, trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi của văn phòng đại diện nước ngoài**

1. Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với những thay đổi tại khoản 1 Điều 12 Thông tư này gồm:

a) Văn bản đề nghị thay đổi do người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng ký, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau đây:

(i) Nội dung hiện tại;

(ii) Nội dung dự kiến thay đổi. Đối với tên dự kiến thay đổi phải đảm bảo tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 17 Thông tư này;

(iii) Lý do thay đổi;

b) Tài liệu chứng minh lý do thay đổi (đối với trường hợp thay đổi tên); hoặc tài liệu chứng minh văn phòng đại diện nước ngoài có quyền sử dụng hoặc sẽ có quyền sử dụng hợp pháp trụ sở tại địa bàn đặt trụ sở mới (đối với trường hợp thay đổi địa bàn đặt trụ sở khác địa bàn tỉnh, thành phố nơi văn phòng đại diện nước ngoài đang đặt trụ sở);

c) Báo cáo tài chính năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị đã được kiểm toán độc lập của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng và Báo cáo tổng quan tình hình hoạt động của văn phòng đại diện nước ngoài đối với trường hợp gia hạn thời hạn hoạt động (trong đó nêu rõ tình hình hoạt động trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị và kế hoạch hoạt động trong năm tiếp theo).

2. Trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép:

a) Văn phòng đại diện nước ngoài lập hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở (đối với trường hợp thay đổi tên, gia hạn thời hạn hoạt động) hoặc gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi dự kiến chuyển trụ sở đến (đối với trường hợp thay đổi địa bàn đặt trụ sở). Đối với trường hợp gia hạn thời hạn hoạt động, thời hạn gửi hồ sơ tối thiểu 60 ngày trước ngày Giấy phép hết hiệu lực;

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có văn bản yêu cầu văn phòng đại diện nước ngoài bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

c) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi của văn phòng đại diện nước ngoài. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**Chương III**

**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI,**

**CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI**

**Mục 1**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 14. Nguyên tắc áp dụng**

Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài tổ chức và hoạt động theo các quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Thông tư này và các quy định liên quan của pháp luật.

**Điều 15. Hoạt động theo pháp luật về chứng khoán**

1. Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện hoạt động mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương trên thị trường chứng khoán khi Giấy phép mà Ngân hàng Nhà nước cấp cho ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có nội dung mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương.

2. Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 56 Luật Chứng khoán, hoạt động ngân hàng giám sát, hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán khi Giấy phép mà Ngân hàng Nhà nước cấp cho ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có nội dung hoạt động này và ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán như sau:

a) Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định điểm a khoản 4 Điều 56 Luật Chứng khoán: ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán và được Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam chấp thuận trở thành thành viên bù trừ;

b) Đối với hoạt động ngân hàng giám sát theo quy định của pháp luật về chứng khoán: ngân hàng thương mại được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán;

c) Đối với hoạt động lưu ký chứng khoán: ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán và được Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam chấp thuận trở thành thành viên lưu ký.

3. Văn bản cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 56 Luật Chứng khoán là văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

4. Đối với các hoạt động liên quan đến chứng khoán, thị trường chứng khoán, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán, thị trường chứng khoán và quy định của pháp luật có liên quan.

**Điều 16. Hoạt động đại lý bảo hiểm**

1. Khi Giấy phép mà Ngân hàng Nhà nước cấp cho ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có nội dung hoạt động đại lý bảo hiểm, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm đối với các sản phẩm bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, trừ sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư.

2. Khi thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải tuân thủ các quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm và quy định của pháp luật có liên quan.

**Mục 2**

**CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH**

**Điều 17. Tên, trụ sở chính của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài**

1. Tên của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài phải đảm bảo:

a) Phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan;

b) Được đặt theo mẫu tương ứng như sau:

(i) Ngân hàng thương mại cổ phần và Tên riêng;

(ii) Ngân hàng liên doanh và Tên riêng;

(iii) Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Tên ngân hàng nước ngoài và Việt Nam;

(iv) Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn và Tên riêng đối với ngân hàng 100% vốn nước ngoài hai thành viên trở lên;

(v) Ngân hàng và Tên ngân hàng nước ngoài - Chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi đặt chi nhánh. Trong trường hợp ngân hàng nước ngoài thành lập hai chi nhánh trở lên tại một tỉnh, thành phố thì phải bổ sung tên để đảm bảo phân biệt các chi nhánh khác nhau;

(vi) Văn phòng đại diện nước ngoài và tên tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng - tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi đặt văn phòng đại diện nước ngoài.

2. Trụ sở chính của ngân hàng thương mại phải đảm bảo đáp ứng các quy định về trụ sở chính của doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các điều kiện sau:

a) Là nơi làm việc của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, được ghi trong Giấy phép theo quy định của pháp luật và là nơi thực hiện giao dịch với khách hàng;

b) Phải ở trên lãnh thổ Việt Nam, có địa chỉ cụ thể bao gồm tên tòa nhà (nếu có), số nhà, tên đường/phố, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố; số điện thoại (nếu có), số fax (nếu có) và thư điện tử (nếu có). Trường hợp ngân hàng thương mại đăng ký đặt trụ sở chính tại nhiều hơn một số nhà hoặc tòa nhà có địa chỉ khác nhau, các số nhà hoặc tòa nhà này phải liền kề nhau;

c) Đảm bảo an toàn tài sản và phù hợp với yêu cầu hoạt động ngân hàng;

d) Có hệ thống thông tin quản lý kết nối trực tuyến giữa trụ sở chính với các chi nhánh và các bộ phận kinh doanh của ngân hàng đáp ứng các yêu cầu về quản trị điều hành và quản lý rủi ro của ngân hàng thương mại và yêu cầu về quản lý của Ngân hàng Nhà nước.

3. Trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải đảm bảo đáp ứng các quy định về trụ sở chính của doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các điều kiện sau:

a) Là nơi làm việc của Tổng giám đốc (Giám đốc) và là nơi thực hiện giao dịch với khách hàng, được ghi trong Giấy phép theo quy định của pháp luật;

b) Phải ở trên lãnh thổ Việt Nam, có địa chỉ cụ thể bao gồm tên tòa nhà (nếu có), số nhà, tên đường/phố, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố; số điện thoại (nếu có), số fax (nếu có) và thư điện tử (nếu có); số điện thoại (nếu có), số fax (nếu có) và thư điện tử (nếu có);

c) Đảm bảo an toàn tài sản và phù hợp với yêu cầu hoạt động ngân hàng;

d) Có hệ thống thông tin quản lý kết nối trực tuyến với trụ sở chính của ngân hàng nước ngoài đáp ứng các yêu cầu về quản trị điều hành và quản lý rủi ro của ngân hàng nước ngoài và yêu cầu về quản lý của Ngân hàng Nhà nước;

4. Trụ sở của văn phòng đại diện nước ngoài phải ở trên lãnh thổ Việt Nam, thuộc địa bàn hoạt động ghi trong Giấy phép; số điện thoại (nếu có), số fax (nếu có) và thư điện tử (nếu có).

**Điều 18. Cơ cấu tổ chức của Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự**

1. Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên phải thành lập Ủy ban quản lý rủi ro, Ủy ban nhân sự và quy định cơ chế phán quyết đối với các ý kiến đề xuất của hai Ủy ban này.

2. Một Ủy ban phải có tối thiểu ba thành viên, gồm Trưởng ban là thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên và các thành viên khác do Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên quyết định, bổ nhiệm, miễn nhiệm theo Điều lệ của ngân hàng thương mại. Một thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên chỉ được là Trưởng ban của một Ủy ban. Đối với ngân hàng thương mại cổ phần, Ủy ban quản lý rủi ro phải có tối thiểu một thành viên là thành viên độc lập của Hội đồng quản trị (trừ trường hợp ngân hàng thương mại cổ phần được kiểm soát đặc biệt do Ngân hàng Nhà nước quyết định theo quy định tại Điều 166 Luật Các tổ chức tín dụng).

**Điều 19. Quy chế làm việc của Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự**

1. Khi thành lập các Ủy ban, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên phải ban hành quy chế làm việc và chức năng, nhiệm vụ của các Ủy ban. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ban hành, ngân hàng thương mại gửi các quy định nội bộ này tới Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) để báo cáo.

2. Quy chế làm việc và chức năng nhiệm vụ của các Ủy ban tối thiểu gồm các nội dung sau:

a) Quy chế làm việc của các Ủy ban tối thiểu bao gồm: Số lượng thành viên của Ủy ban và trách nhiệm của từng thành viên; Các kỳ họp định kỳ của Ủy ban; Việc họp bất thường của Ủy ban; Việc đưa ra quyết định của Ủy ban;

b) Nhiệm vụ, chức năng của Ủy ban về vấn đề quản lý rủi ro bao gồm:

(i) Tham mưu cho Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên trong việc ban hành các quy trình, chính sách thuộc thẩm quyền của mình liên quan đến quản lý rủi ro trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ ngân hàng.

(ii) Phân tích, đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của ngân hàng trước những nguy cơ, tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như dài hạn.

(iii) Xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy trình, chính sách quản trị rủi ro hiện hành của ngân hàng để đưa các khuyến nghị, đề xuất đối với Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên về những yêu cầu cần thay đổi quy trình, chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động.

(iv) Tham mưu cho Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên thông qua quyết định đầu tư, các hợp đồng, giao dịch có liên quan; quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của ngân hàng thương mại trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ do Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên giao.

c) Nhiệm vụ, chức năng của Ủy ban về nhân sự:

(i) Tham mưu cho Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên về quy mô và cơ cấu Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Người điều hành phù hợp với quy mô hoạt động và chiến lược phát triển của ngân hàng.

(ii) Tham mưu cho Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên xử lý các vấn đề về nhân sự phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát và Người điều hành ngân hàng theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ ngân hàng.

(iii) Nghiên cứu, tham mưu cho Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên trong việc ban hành các quy định nội bộ của ngân hàng thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, quy chế tuyển chọn nhân sự, đào tạo và các chính sách đãi ngộ khác đối với Người điều hành, các cán bộ, nhân viên của ngân hàng.

**Mục 3**

**VỐN ĐIỀU LỆ, VỐN ĐƯỢC CẤP**

**Điều 20. Vốn điều lệ, vốn được cấp**

1. Vốn điều lệ của ngân hàng thương mại:

a) Vốn điều lệ của ngân hàng thương mại là tổng số tiền do chủ sở hữu, thành viên góp vốn của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn đã góp; là tổng mệnh giá cổ phần của tổ chức tín dụng là công ty cổ phần đã bán cho cổ đông và được ghi trong Điều lệ ngân hàng.

b) Vốn điều lệ của ngân hàng thương mại có thể được tăng từ các nguồn sau:

(i) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ; Quỹ thặng dư vốn cổ phần; lợi nhuận để lại và các quỹ khác theo quy định của pháp luật;

(ii) Phát hành cổ phiếu ra công chúng, phát hành cổ phiếu riêng lẻ;

(iii) Chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông;

(iv) Vốn do chủ sở hữu, thành viên góp vốn cấp thêm;

(v) Các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

2. Vốn được cấp của chi nhánh ngân hàng nước ngoài:

a) Vốn được cấp của chi nhánh ngân hàng nước ngoài là vốn đã được ngân hàng mẹ thực cấp cho chi nhánh ngân hàng nước ngoài và được ghi trong Giấy phép;

b) Vốn được cấp của chi nhánh ngân hàng nước ngoài có thể được tăng từ các nguồn sau:

(i) Lợi nhuận để lại;

(ii) Vốn do ngân hàng mẹ cấp thêm;

(iii) Các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 21. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông hoặc theo quyết định của ngân hàng thương mại cổ phần**

1. Việc mua lại cổ phần của cổ đông của ngân hàng thương mại cổ phần phải đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật.

2. Ngân hàng thương mại cổ phần chỉ được mua lại cổ phần của cổ đông nếu sau khi thanh toán hết số tiền tương ứng với số cổ phần được mua lại mà vẫn bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng và giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định của ngân hàng thương mại cổ phần.

3. Trình tự, thủ tục và hồ sơ đề nghị mua lại cổ phần của ngân hàng thương mại cổ phần thực hiện theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

**Điều 22. Tăng vốn, chuyển nhượng phần vốn góp, mua lại phần vốn góp của ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài**

1. Việc tăng vốn, chuyển nhượng phần vốn góp, mua lại phần vốn góp phải đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Trong thời hạn 05 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép, thành viên sáng lập chỉ được chuyển nhượng phần vốn góp cho thành viên sáng lập khác. Trong thời hạn 03 năm kể từ khi bắt đầu góp vốn vào ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài, các thành viên góp vốn chỉ được chuyển nhượng phần vốn góp cho thành viên góp vốn khác.

3. Việc tăng vốn, chuyển nhượng phần vốn góp cho tổ chức không phải là thành viên góp vốn của ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài phải đảm bảo tỷ lệ góp vốn theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 3 Thông tư này và đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đối tác mới (trừ đối tác mới của ngân hàng liên doanh là doanh nghiệp không phải ngân hàng) phải đáp ứng các điều kiện của thành viên sáng lập theo quy định tại khoản 5 Điều 29 Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn;

b) Đối tác mới là ngân hàng nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm b, c, d, đ, e khoản 2 Điều 29 Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn;

c) Đối với ngân hàng liên doanh, đối tác mới là doanh nghiệp không phải ngân hàng phải đáp ứng các điều kiện sau:

(i) Được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc pháp luật nước ngoài;

(ii) Trường hợp là doanh nghiệp Nhà nước, phải được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản cho phép góp vốn, nhận chuyển nhượng phần vốn góp tại ngân hàng liên doanh theo quy định của pháp luật;

(iii) Trường hợp là doanh nghiệp được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, phải tuân thủ việc nhận chuyển nhượng phần vốn góp theo các quy định liên quan của pháp luật;

(iv) Có vốn chủ sở hữu tối thiểu 1.000 tỷ đồng, tổng tài sản tối thiểu 2.000 tỷ đồng trong 03 năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận tăng vốn, chuyển nhượng phần vốn góp đối với phần vốn góp từ trên 1% đến dưới 5% vốn điều lệ của ngân hàng liên doanh hoặc có vốn chủ sở hữu tối thiểu 200 tỷ đồng, tổng tài sản tối thiểu 400 tỷ đồng trong 03 năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận tăng vốn, chuyển nhượng phần vốn góp đối với phần vốn góp từ 1% vốn điều lệ trở xuống của ngân hàng liên doanh;

(v) Đối với doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu vốn pháp định, phải đảm bảo vốn chủ sở hữu trừ đi vốn pháp định tối thiểu bằng số vốn góp cam kết theo số liệu từ báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán của năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận chuyển nhượng phần vốn góp;

(vi) Kinh doanh có lãi trong 03 năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận tăng vốn, chuyển nhượng phần vốn góp;

(vii) Không được dùng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân khác để góp vốn, nhận chuyển nhượng phần vốn góp;

(viii) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế và bảo hiểm xã hội theo quy định đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận tăng vốn, chuyển nhượng phần vốn góp;

(ix) Không phải là cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng khác được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.

d) Trường hợp tăng vốn, chuyển nhượng dẫn đến có ngân hàng nước ngoài khác sở hữu 50% vốn điều lệ của ngân hàng 100% vốn nước ngoài, ngân hàng nước ngoài mới phải đảm bảo nội dung hoạt động của ngân hàng 100% vốn nước ngoài là hoạt động mà ngân hàng nước ngoài đó đang được phép thực hiện tại nước nơi ngân hàng nước ngoài đặt trụ sở chính.

4. Điều kiện mua lại phần vốn góp:

a) Yêu cầu mua lại phần vốn góp của thành viên góp vốn, điều kiện thanh toán và xử lý phần vốn góp thực hiện theo quy định về mua lại phần vốn góp của Luật Doanh nghiệp;

b) Sau khi thanh toán hết phần vốn góp được mua lại, ngân hàng vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng, giá trị thực của vốn điều lệ không được thấp hơn mức vốn pháp định;

c) Tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định tại thời điểm đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận việc mua lại phần vốn góp;

d) Kinh doanh liên tục có lãi trong 05 năm liền kề năm đề nghị mua lại phần vốn góp và không có lỗ lũy kế;

đ) Không bị Ngân hàng Nhà nước xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng trong 05 năm liền kề năm đề nghị mua lại phần vốn góp và đến thời điểm đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận việc mua lại phần vốn góp.

5. Việc chuyển nhượng phần vốn góp, mua lại phần vốn góp phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện. Trình tự, thủ tục và hồ sơ đề nghị chuyển nhượng vốn góp, mua lại phần vốn góp thực hiện theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

**Chương IV**

**TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN**

**Điều 23. Trách nhiệm của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và văn phòng đại diện nước ngoài**

1. Cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Thông tư này và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin trên.

2. Đảm bảo đáp ứng các điều kiện để thực hiện các nội dung hoạt động theo đề nghị và tiếp tục duy trì việc đáp ứng các điều kiện này theo quy định.

3. Đối với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tham gia hệ thống thanh toán quốc tế, phải đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc sau:

a) Đối với trường hợp đã tham gia các hệ thống thanh toán quốc tế trước ngày….. (Nghị định thay thế Nghị định 101/2012/NĐ-CP có hiệu lực thi hành), phải hoàn thành thủ tục bổ sung nội dung tham gia hệ thống thanh toán quốc tế vào Giấy phép của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại Thông tư này trong vòng 24 tháng kể từ ngày… (Nghị định thay thế Nghị định 101/2012/NĐ-CP có hiệu lực thi hành). Quá thời hạn nêu trên, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải dừng tham gia các hệ thống thanh toán quốc tế cho đến khi hoàn thành thủ tục bổ sung nội dung tham gia hệ thống thanh toán quốc tế ghi trong Giấy phép;

b) Trong quá trình tham gia hệ thống thanh toán quốc tế, đảm bảo tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định .... (Nghị định thay thế Nghị định 101/2012/NĐ-CP) về thanh toán không dùng tiền mặt; đồng thời, thường xuyên rà soát, theo dõi, đánh giá về việc tham gia hệ thống thanh toán quốc tế, hoạt động tổ chức, vận hành của hệ thống thanh toán quốc tế để có điều chỉnh phù hợp, nhằm đảm bảo an toàn cho hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và an toàn, bảo mật thông tin khách hàng;

c) Đảm bảo việc tham gia hệ thống thanh toán quốc tế phù hợp với các cam kết về thanh toán tại các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia;

d) Chấp hành quy định về đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin trong hoạt động ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;

đ) Chịu trách nhiệm về nội dung và tổ chức triển khai các quy định nội bộ về quy trình nghiệp vụ và quy trình quản lý rủi ro khi tham gia hệ thống thanh toán quốc tế; thực hiện hoạt động kết nối hệ thống thanh toán quốc tế theo đúng quy định nội bộ đã ban hành;

e) Thực hiện việc báo cáo định kỳ hàng năm về giao dịch qua hệ thống thanh toán quốc tế theo mẫu Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này. Trong trường hợp đột xuất hoặc khi cần thiết, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện báo cáo theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.

**Điều 24. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan**

1. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng:

a) Làm đầu mối tiếp nhận, thẩm định và trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về hồ sơ đề nghị cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là đối tượng thanh tra, giám sát an toàn vi mô của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này;

b) Có văn bản kèm hồ sơ lấy ý kiến các đơn vị có liên quan trong Ngân hàng Nhà nước về đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép đối với hoạt động phái sinh lãi suất, cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa, ví điện tử, hoạt động lưu ký chứng khoán và tham gia hệ thống thanh toán quốc tế khi thực hiện trách nhiệm tại điểm a khoản này;

c) Chịu trách nhiệm về quản lý và lưu trữ hồ sơ cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép sau khi đã cấp phép;

d) Xử lý các vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư.

2. Sở Giao dịch:

Hướng dẫn ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện việc nộp lệ phí cấp đổi Giấy phép.

3. Vụ Thanh toán:

a) Trong thời hạn tối đa 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép đối với hoạt động ví điện tử, tham gia hệ thống thanh toán quốc tế, Vụ Thanh toán phải có ý kiến bằng văn bản; Riêng đối với đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép hoạt động tham gia hệ thống thanh toán quốc tế, Vụ Thanh toán phải có ý kiến đánh giá về các tài liệu liên quan đến Hợp đồng/Thỏa thuận đã ký kết với tổ chức vận hành hệ thống thanh toán quốc tế/Thư xác nhận của tổ chức vận hành hệ thống thanh toán quốc tế và báo cáo đánh giá về tình hình tham gia hệ thống thanh toán quốc tế của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (đối với trường hợp đã tham gia hệ thống thanh toán quốc tế trước thời điểm .... (thời điểm Nghị định thay thế Nghị định 101/2012/NĐ-CP có hiệu lực thi hành));

b) Tiếp nhận và tổng hợp báo cáo định kỳ về tình hình tham gia hệ thống thanh toán quốc tế và tình hình giao dịch qua hệ thống thanh toán quốc tế của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

4. Cục Công nghệ thông tin:

Trong thời hạn tối đa 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh về đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép đối với hoạt động tham gia hệ thống thanh toán quốc tế, Cục Công nghệ thông tin phải có ý kiến cụ thể bằng văn bản đối với việc ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã đảm bảo yêu cầu về hồ sơ quy định tại điểm d(iii), d(iv) khoản 2 Điều 11 Thông tư này.

5. Vụ Hợp tác quốc tế:

Trong thời hạn tối đa 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép đối với hoạt động tham gia hệ thống thanh toán quốc tế, Vụ Hợp tác quốc tế rà soát, xem xét, có ý kiến về sự phù hợp khi tham gia hệ thống thanh toán quốc tế của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài với các cam kết quốc tế về thanh toán tại các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

6. Vụ Chính sách tiền tệ:

Trong thời hạn tối đa 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép đối với hoạt động phái sinh lãi suất, cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa, lưu ký chứng khoán, Vụ Chính sách tiền tệ phải có ý kiến cụ thể bằng văn bản.

7. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Tiếp nhận, thẩm định các hồ sơ đề nghị cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép của chi nhánh ngân hàng nước ngoài và hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với những thay đổi của văn phòng đại diện nước ngoài là đối tượng thanh tra, giám sát an toàn vi mô của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này;

b) Có văn bản gửi lấy ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi văn phòng đại diện nước ngoài dự kiến đặt trụ sở (đối với trường hợp thay đổi địa bàn đặt trụ sở khác địa bàn tỉnh, thành phố nơi văn phòng đại diện nước ngoài đang đặt trụ sở) theo quy định tại Điều 13 Thông tư này;

c) Chịu trách nhiệm về quản lý và lưu trữ hồ sơ cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép; cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi của văn phòng đại diện nước ngoài sau khi đã cấp phép;

d) Tiếp nhận văn bản thông báo của văn phòng đại diện nước ngoài có trụ sở đặt tại địa bàn tỉnh, thành phố đối với các nội dung thay đổi quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư này;

đ) Thông báo cho Bộ Công an (Cục An ninh kinh tế) về nhân sự là Trưởng văn phòng đại diện nước ngoài sau khi nhận được văn bản thông báo của văn phòng đại diện nước ngoài;

e) Có văn bản kèm hồ sơ lấy ý kiến các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước về đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép đối với các nội dung hoạt động phái sinh lãi suất, cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa, ví điện tử, hoạt động lưu ký chứng khoán và tham gia hệ thống thanh toán quốc tế khi thực hiện trách nhiệm quy định tại điểm a khoản này.

**Chương V**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 25. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, các nội dung quy định tại Mục 4, mục 5 Chương II; Chương III, Phụ lục 01, Phụ lục 01a, Phụ lục 01b, Phụ lục 01b1, Phụ lục 01b2 Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15/12/2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam (được sửa đổi, bổ sung) và Thông tư 37/2019/TT-NHNN ngày 31/12/2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn hoạt động đại lý bảo hiểm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho doanh nghiệp bảo hiểm hết hiệu lực.

**Điều 26. Quy định chuyển tiếp**

1. Đối với các hợp đồng, giao dịch khác, thỏa thuận được ký kết trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành phù hợp với phạm vi hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại thời điểm ký kết hợp đồng, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và khách hàng được tiếp tục thực hiện theo hợp đồng, giao dịch khác, thỏa thuận đó cho đến hết thời hạn của hợp đồng, giao dịch khác, thỏa thuận. Việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn hợp đồng, giao dịch khác, thỏa thuận chỉ được thực hiện nếu nội dung sửa đổi, bổ sung, gia hạn phù hợp với phạm vi hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại Thông tư này.

Đối với các hợp đồng, giao dịch khác, thỏa thuận không xác định thời hạn được ký kết trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành phù hợp với phạm vi hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại thời điểm ký kết hợp đồng nhưng không phù hợp với phạm vi hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại Thông tư này, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được tiếp tục thực hiện đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025. Sau thời điểm này, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và khách hàng phải thực hiện chấm dứt hoặc sửa đổi, bổ sung hợp đồng, giao dịch khác, thỏa thuận bảo đảm phù hợp với quy định tại Thông tư này.

2. Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi của văn phòng đại diện nước ngoài đã nộp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật tại thời điểm nộp hồ sơ.

**Điều 27. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như Điều 26; - Ban lãnh đạo NHNN; - Văn phòng Chính phủ; - Bộ Tư pháp (để kiểm tra); - Công báo; - Lưu: VP, PC, TTGSNH6 (03 bản). | **KT.THỐNG ĐỐC**  **PHÓ THỐNG ĐỐC**    **Đoàn Thái Sơn** |

**PHỤ LỤC 01**

VỀ MẪU GIẤY PHÉP CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP

*(Ban hành kèm theo Thông tư số .../2024/TT-NHNN ngày .. tháng ... năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và một số quy định về tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng)*

Phụ lục 01a - Mẫu Giấy phép cấp đổi Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại

Phụ lục 01b - Mẫu Giấy phép cấp đổi Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài

**Phụ lục 01a**

Mẫu Giấy phép cấp đổi Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM --------** | | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** | |
| Số:     /GP-NHNN | *Hà Nội, ngày     tháng     năm.....* | |

**GIẤY PHÉP**

THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG (loại hình....)

**THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số .../2024/TT-NHNN ngày .. tháng ... năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và một số quy định về tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng.

Xét đơn đề nghị cấp đổi Giấy phép thành lập và hoạt động (Ngân hàng thương mại, Ngân hàng liên doanh, Ngân hàng 100% vốn nước ngoài).............. và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp đổi Giấy phép thành lập và hoạt động số........... ngày.............. cho Ngân hàng............ như sau:

1. Tên Ngân hàng:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:.................;

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:.................;

- Tên giao dịch (hoặc tên viết tắt):..........

2. Địa chỉ trụ sở chính:........................

**Điều 2.** Vốn điều lệ của Ngân hàng..... là....... (bằng chữ:...............)

**Điều 3.** Thời hạn hoạt động của Ngân hàng... là............. năm (là thời hạn hoạt động được quy định tại Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp trước đây) kể từ ngày........... (là ngày hiệu lực của Giấy phép được Ngân hàng Nhà nước cấp trước đây).

**Điều 4. Nội dung hoạt động**

Ngân hàng........... được thực hiện các hoạt động của loại hình ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gồm các hoạt động sau đây:

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.

2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi.

3. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:

a) Cho vay;

b) Chiết khấu, tái chiết khấu;

c) Bảo lãnh ngân hàng;

d) Phát hành thẻ tín dụng;

đ) Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế đối với các ngân hàng được phép thực hiện thanh toán quốc tế;

e) Thư tín dụng;

g) Hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật).

4. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.

5. Cung ứng các phương tiện thanh toán.

6. Cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản sau đây:

a) Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, chuyển tiền, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;

b) Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế và các dịch vụ thanh toán khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật).

7. Vay Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn.

8. Mua, bán giấy tờ có giá với Ngân hàng Nhà nước.

9. Cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

10. Vay nước ngoài theo quy định của pháp luật.

11. Mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước.

12. Mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng được cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.

13. Mở tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.

14. Tổ chức thanh toán nội bộ và tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.

15. Tham gia hệ thống thanh toán quốc tế.

16. Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

17. Kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm về ngoại hối trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước quy định.

18. Kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm phái sinh về lãi suất, ngoại hối, tiền tệ và tài sản tài chính khác (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật).

19. Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong hoạt động ngân hàng, giao đại lý thanh toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

20. Đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, phù hợp với phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

21. Các hoạt động kinh doanh khác

a) Dịch vụ quản lý tiền mặt; dịch vụ ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;

b) Cung ứng các dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ và các dịch vụ thanh toán khác không qua tài khoản;

c) Mua, bán tín phiếu Ngân hàng Nhà nước, trái phiếu doanh nghiệp; mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương và các giấy tờ có giá khác;

d) Dịch vụ môi giới tiền tệ;

đ) Kinh doanh vàng;

e) Dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán, thư tín dụng (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật);

g) Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép;

h) Phát hành trái phiếu;

i) Lưu ký chứng khoán;

k) Nghiệp vụ ngân hàng giám sát;

l) Đại lý quản lý tài sản bảo đảm cho bên cho vay là tổ chức tài chính quốc tế, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

22. Ví điện tử.

23. Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa.

24. Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.

25. Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán.

26. Các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật).

**Điều 5.** Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng.......... phải tuân thủ pháp luật Việt Nam.

**Điều 6.** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng số..... ngày........, kèm các văn bản chấp thuận có liên quan việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép.

**Điều 7.** Giấy phép cấp đổi cho Ngân hàng............ được lập thành năm (05) bản chính: một (01) bản cấp cho Ngân hàng.........; một (01) bản để cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; ba (03) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (một bản lưu tại Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, một bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh............., một bản lưu tại hồ sơ cấp đổi Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng......).

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như Điều 7; - UBND tỉnh/TP.........; - Bộ Công an; - Bộ Kế hoạch và đầu tư;  - Sở Kế hoạch và đầu tư……..; - Lưu: VP, TTGSNH. | **THỐNG ĐỐC** |

**Phụ lục 01b**

VỀ MẪU GIẤY PHÉP CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP THÀNH LẬP

CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI

Phụ lục 01b1 - Mẫu Giấy phép cấp đổi Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài (do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cấp)

Phụ lục 01b2 - Mẫu Giấy phép cấp đổi Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài (do Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh cấp)

**Phụ lục 01b1**

Mẫu Giấy phép cấp đổi Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài (do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cấp)

|  |  |
| --- | --- |
| **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM --------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:     /GP-NHNN | *Hà Nội, ngày     tháng     năm.....* |

**GIẤY PHÉP**

THÀNH LẬP CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI

**THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số .../2024/TT-NHNN ngày .. tháng ... năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và một số quy định về tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng;

Xét đơn đề nghị cấp đổi Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài của Ngân hàng........... (đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài thuộc đối tượng thanh tra, giám sát an toàn vi mô của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép Ngân hàng.............., quốc tịch..........., có trụ sở chính tại............ được cấp đổi Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài số.......... ngày.......... cho Ngân hàng............ như sau:

1. Tên chi nhánh:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:...............;

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:................;

- Tên giao dịch (hoặc tên viết tắt):...............

2. Địa chỉ trụ sở:...........................

**Điều 2.** Vốn được cấp của Ngân hàng... - Chi nhánh.... là........ (bằng chữ:.......).

**Điều 3.** Thời hạn hoạt động của Ngân hàng... - Chi nhánh............... là........... năm (là thời hạn hoạt động được quy định tại Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp trước đây) kể từ ngày........ (là ngày hiệu lực của Giấy phép được Ngân hàng Nhà nước cấp trước đây).

**Điều 4. Nội dung hoạt động**

Ngân hàng..... - Chi nhánh.... được thực hiện các hoạt động của loại hình ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gồm các hoạt động sau đây:

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.

2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi.

3. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:

a) Cho vay;

b) Chiết khấu, tái chiết khấu;

c) Bảo lãnh ngân hàng;

d) Phát hành thẻ tín dụng;

đ) Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế đối với các ngân hàng được phép thực hiện thanh toán quốc tế;

e) Thư tín dụng;

g) Hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật).

4. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.

5. Cung ứng các phương tiện thanh toán.

6. Cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản sau đây:

a) Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, chuyển tiền, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;

b) Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế và các dịch vụ thanh toán khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật).

7. Vay Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn.

8. Mua, bán giấy tờ có giá với Ngân hàng Nhà nước.

9. Cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

10. Vay nước ngoài theo quy định của pháp luật.

11. Mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước.

12. Mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng được cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.

13. Mở tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.

14. Tổ chức thanh toán nội bộ và tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.

15. Tham gia hệ thống thanh toán quốc tế.

16. Kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm về ngoại hối trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước quy định.

17. Kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm phái sinh về lãi suất, ngoại hối, tiền tệ và tài sản tài chính khác (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật).

18. Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong hoạt động ngân hàng, giao đại lý thanh toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

19. Đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, phù hợp với phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

20. Các hoạt động kinh doanh khác

a) Dịch vụ quản lý tiền mặt; dịch vụ ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;

b) Cung ứng các dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ và các dịch vụ thanh toán khác không qua tài khoản;

c) Mua, bán tín phiếu Ngân hàng Nhà nước, trái phiếu doanh nghiệp; mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương và các giấy tờ có giá khác;

d) Dịch vụ môi giới tiền tệ;

đ) Kinh doanh vàng;

e) Dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán, thư tín dụng (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật);

g) Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép;

h) Phát hành trái phiếu;

i) Lưu ký chứng khoán;

k) Nghiệp vụ ngân hàng giám sát;

l) Đại lý quản lý tài sản bảo đảm cho bên cho vay là tổ chức tài chính quốc tế, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

21. Ví điện tử.

22. Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa.

23. Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.

24. Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán.

25. Các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật).

**Điều 5.** Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng… - Chi nhánh........... phải tuân thủ pháp luật Việt Nam.

**Điều 6.** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài số.... ngày... kèm các văn bản chấp thuận có liên quan việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép.

**Điều 7.** Giấy phép cấp đổi cho Ngân hàng... - Chi nhánh.... được lập thành năm (05) bản chính: một (01) bản cấp cho Ngân hàng... - Chi nhánh.......; một (01) bản để cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; ba (03) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; (một bản lưu tại Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, một bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh/thành phố......., một bản lưu tại hồ sơ cấp đổi Giấy phép thành lập Ngân hàng…- Chi nhánh...........).

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như Điều 7; - UBND tỉnh/TP...........; - Bộ Công an; - Bộ Kế hoạch và đầu tư;  - Sở Kế hoạch và đầu tư ….; - Lưu: VP, TTGSNH. | **THỐNG ĐỐC** |

**Phụ lục 01b2**

Mẫu Giấy phép cấp đổi Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài (do Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp)

|  |  |
| --- | --- |
| NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM  **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**  **CHI NHÁNH... --------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:……/GP-…… | *…, ngày     tháng     năm.....* |

**GIẤY PHÉP**

THÀNH LẬP CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI

**GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH TỈNH/THÀNH PHỐ…**

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số .../2024/TT-NHNN ngày .. tháng ... năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và một số quy định về tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng;

Xét đơn đề nghị cấp đổi Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài của Ngân hàng........... (đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài thuộc đối tượng thanh tra, giám sát an toàn vi mô của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố) và hồ sơ kèm theo.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép Ngân hàng.............., quốc tịch..........., có trụ sở chính tại............ được cấp đổi Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài số.......... ngày.......... cho Ngân hàng............ như sau:

1. Tên chi nhánh:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:...............;

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:................;

- Tên giao dịch (hoặc tên viết tắt):...............

2. Địa chỉ trụ sở:...........................

**Điều 2.** Vốn được cấp của Ngân hàng... - Chi nhánh.... là........ (bằng chữ:.......).

**Điều 3.** Thời hạn hoạt động của Ngân hàng... - Chi nhánh............... là........... năm (là thời hạn hoạt động được quy định tại Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp trước đây) kể từ ngày........ (là ngày hiệu lực của Giấy phép được Ngân hàng Nhà nước cấp trước đây).

**Điều 4. Nội dung hoạt động**

Ngân hàng..... - Chi nhánh.... được thực hiện các hoạt động của loại hình ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gồm các hoạt động sau đây:

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.

2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi.

3. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:

a) Cho vay;

b) Chiết khấu, tái chiết khấu;

c) Bảo lãnh ngân hàng;

d) Phát hành thẻ tín dụng;

đ) Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế đối với các ngân hàng được phép thực hiện thanh toán quốc tế;

e) Thư tín dụng;

g) Hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật).

4. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.

5. Cung ứng các phương tiện thanh toán.

6. Cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản sau đây:

a) Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, chuyển tiền, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;

b) Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế và các dịch vụ thanh toán khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật).

7. Vay Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn.

8. Mua, bán giấy tờ có giá với Ngân hàng Nhà nước.

9. Cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

10. Vay nước ngoài theo quy định của pháp luật.

11. Mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước.

12. Mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng được cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.

13. Mở tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.

14. Tổ chức thanh toán nội bộ và tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.

15. Tham gia hệ thống thanh toán quốc tế.

16. Kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm về ngoại hối trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước quy định.

17. Kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm phái sinh về lãi suất, ngoại hối, tiền tệ và tài sản tài chính khác (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật).

18. Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong hoạt động ngân hàng, giao đại lý thanh toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

19. Đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, phù hợp với phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

20. Các hoạt động kinh doanh khác

a) Dịch vụ quản lý tiền mặt; dịch vụ ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;

b) Cung ứng các dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ và các dịch vụ thanh toán khác không qua tài khoản;

c) Mua, bán tín phiếu Ngân hàng Nhà nước, trái phiếu doanh nghiệp; mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương và các giấy tờ có giá khác;

d) Dịch vụ môi giới tiền tệ;

đ) Kinh doanh vàng;

e) Dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán, thư tín dụng (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật);

g) Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép;

h) Phát hành trái phiếu;

i) Lưu ký chứng khoán;

k) Nghiệp vụ ngân hàng giám sát;

l) Đại lý quản lý tài sản bảo đảm cho bên cho vay là tổ chức tài chính quốc tế, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

21. Ví điện tử.

22. Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa.

23. Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.

24. Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán.

25. Các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật).

**Điều 5.** Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng… - Chi nhánh........... phải tuân thủ pháp luật Việt Nam.

**Điều 6.** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài số.... ngày... kèm các văn bản chấp thuận có liên quan việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép.

**Điều 7.** Giấy phép cấp đổi cho Ngân hàng... - Chi nhánh.... được lập thành năm (05) bản chính: một (01) bản cấp cho Ngân hàng... - Chi nhánh.......; một (01) bản để cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; ba (03) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh/thành phố...

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như Điều 7;  - Thống đốc NHNN; - UBND tỉnh/TP...........; - Bộ Công an; - Bộ Kế hoạch và đầu tư;  - Sở Kế hoạch và đầu tư …..; - Lưu: …. | **GIÁM ĐỐC** |

**Phụ lục 02**

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐƠN VỊ BÁO CÁO** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *…………, ngày …….tháng …… năm …..* |

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ**

**TÌNH HÌNH THAM GIA HỆ THỐNG THANH TOÁN QUỐC TẾ**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (qua Vụ Thanh toán)

**1.** **Tình hình chung về việc tham gia hệ thống thanh toán quốc tế**[[1]](#footnote-1)

1.1. Thống kê số lượng các hệ thống thanh toán quốc tế tham gia

1.2. Thông tin chung về việc tham gia các hệ thống thanh toán quốc tế (*thời điểm tham gia, các tiêu chí, điều kiện yêu cầu của hệ thống thanh toán quốc tế đối với các tổ chức thành viên*, …)

1.3. Tình hình thực hiện các quy định nội bộ về quản lý rủi ro, phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, an toàn hệ thống thông tin, các giải pháp kỹ thuật, quy trình xử lý giao dịch qua hệ thống thanh toán quốc tế….

**2. Tình hình thực hiện giao dịch qua các hệ thống thanh toán quốc tế**

***(****Thống kê số lượng, giá trị giao dịch[[2]](#footnote-2) (đi/đến) qua từng hệ thống thanh toán quốc tế trong 03 năm gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ*)

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **202...** | | **202...** | | **…** | |
| Hệ thống…. | Số lượng giao dịch | Giá trị giao dịch | Số lượng giao dịch | Giá trị giao dịch | Số lượng giao dịch | Giá trị giao dịch |
|  |  |  |  |  |  |
| Hệ thống…. |  |  |  |  |  |  |
| Hệ thống… |  |  |  |  |  |  |

**3. Khó khăn, vướng mắc**

Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nêu chi tiết các khó khăn vướng mắc trong quá trình tham gia hệ thống thanh toán quốc tế (nếu có);

**4**. **Đề xuất, kiến nghị (nếu có)**

**Người đại diện hợp pháp của ngân hàng thương mại,**

**chi nhánh ngân hàng nước ngoài** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**Phụ lục 03**

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐƠN VỊ BÁO CÁO** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *…………, ngày …….tháng …… năm …..* |

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH GIAO DỊCH**

**QUA HỆ THỐNG THANH TOÁN QUỐC TẾ**

**Kỳ báo cáo: Năm….**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (qua Vụ Thanh toán)

**1.** **Tình hình thực hiện giao dịch qua các hệ thống thanh toán quốc tế**

*Thống kê số lượng, giá trị giao dịch (đi/đến) qua từng hệ thống thanh toán quốc tế trong kỳ báo cáo*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hệ thống**  **Chỉ tiêu** | **Hệ thống …** | | | **Hệ thống…** | | | **Hệ thống…** | | |
| Số lượng giao dịch | Đi | Đến | Tăng trưởng so với kỳ trước | Đi | Đến | Tăng trưởng so với kỳ trước | Đi | Đến | Tăng trưởng so với kỳ trước |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Giá trị giao dịch |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**2. Khó khăn, vướng mắc**

Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nêu chi tiết các khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện giao dịch qua hệ thống thanh toán quốc tế (nếu có);

**3.** **Đề xuất, kiến nghị (nếu có)**

**Người đại diện hợp pháp của ngân hàng thương mại,**

**chi nhánh ngân hàng nước ngoài**

**(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)**

1. Theo định nghĩa hệ thống thanh toán quốc tế tại dự thảo Nghị định thay thế Nghị định 101/2012/NĐ-CP về thanh toán không dùng tiền mặt. [↑](#footnote-ref-1)
2. Đơn vị tính: USD [↑](#footnote-ref-2)